

Bản án số: 140/2024/HSST
Ngày: 30-12-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ QUẢNG YÊN - TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Đặng Thị Minh Nga.

Các Hội thẩm nhân dân: bà Nguyễn Thị Vịnh, ông Đỗ Đình Thế.

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Phương Anh – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: ông Phạm Tiến Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Quảng Yên tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 128/2024/TLST-HS ngày 03 tháng 12 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 130/2024/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 12 năm 2024; đối với bị cáo:

1. Họ và tên: **Phạm Văn T.** Tên gọi khác: không. Giới tính: Nam. Sinh ngày: 08/06/1983, tại thành phố H, tỉnh Quảng Ninh. Nơi thường trú: tổ B, khu F, phường Đ, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: không. Nghề nghiệp: lao động tự do. Trình độ học vấn: lớp 09/12. Con ông Phạm Văn T1; con bà Hoàng Thị H. Bị cáo có vợ là Trần Thị N, có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2004, con nhỏ nhất sinh năm 2019.

-Tiền án, tiền sự: không.

- Bị cáo bị bắt ngày 26/10/2024, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Q. Có mặt.

* **Người chứng kiến:** anh Đồng Văn Đ, sinh năm 1993. Địa chỉ: khu K, phường M, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh. Anh Nguyễn Thế Hoàng N1, sinh năm 1996. Địa chỉ: Cây số A, phường M, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh. Đều vắng mặt.

* **Người làm chứng:** Chị Bùi Thị T2, sinh năm 1990; nơi thường trú: khu K, phường M, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh. Anh Đàm Quang C, sinh năm 1982; nơi thường trú: khu Đ, phường Đ, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh. Đều vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 14 giờ 30 phút ngày 26/10/2024, tại khu Y, phường M, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh, Công an thị xã Q phát hiện, bắt quả tang Phạm Văn T cất giấu trái phép chất ma túy, thu giữ: trong hộc để đồ phía trước bên phải xe mô tô biển kiểm soát 16R8-4125 có bao thuốc lá Thăng Long màu vàng bên trong có 02 ống nhựa

màu trắng hàn kín 02 đầu bên trong chứa chất tinh thể màu trắng dạng cục; bên trong hốc để đồ dưới yên xe mô tô có 04 ống nhựa hàn kín 02 đầu bên trong chứa chất tinh thể màu trắng dạng cục; 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone; 01 xe máy Yamaha Nouvo, 01 giấy đăng ký xe mô tô. Quá trình khám xét nơi ở của Phạm Văn T tại tổ B, khu F, phường Đ, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh, qua kiểm tra thu giữ bên trong tủ quần áo ở trong phòng nhà ở của T: 01 túi nilon màu trắng bên trong có 30 ống nhựa hàn kín 02 đầu bên trong chứa chất tinh thể màu trắng dạng cục; 01 chai nhựa có nắp chai được đục 02 lỗ tròn, ở 01 lỗ tròn có gắn 01 đoạn ống hút nhựa; 01 chiếc bật lửa.

Tại Kết luận giám định số 1675/KL-KTHS ngày 03/11/2024 của Phòng K Công an tỉnh Q kết luận: Mẫu vật có trong 36 đoạn ống nhựa thu giữ của Phạm Văn T là ma túy, loại Methamphetamine, có tổng khối lượng 3,684 gam.

Quá trình điều tra xác định, trước đó Phạm Văn T đã nhiều lần bán ma túy cho người khác, cụ thể:

Lần thứ nhất: khoảng 23 giờ 30 phút ngày 23/10/2024 tại khu vực chợ H2, thành phố H, T bán cho Đàm Quang C 01 ống ma túy với giá 500.000 đồng.

Lần thứ hai: khoảng 11 giờ ngày 25/10/2024 tại khu vực cầu Y, thuộc khu Y, phường M, thị xã Q, T đã bán cho Bùi Thị T2 01 ống ma túy với giá 500.000 đồng.

Lần thứ ba: khoảng 14 giờ cùng ngày 25/10/2024 tại khu vực chợ H3, thuộc khu Q, phường Đ, thành phố H, T bán cho Bùi Thị T2 01 ống ma túy với giá 500.000 đồng.

Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo Phạm Văn T khai nhận ngày 25/10/2024 bị cáo 02 lần bán ma túy cho Bùi Thị T2 và ngày 23/10/2024 bị cáo bán ma túy một lần cho Đàm Quang C. Nguồn gốc ma túy, bị cáo bán cho Bùi Thị T2 và Đàm Quang C cũng như số ma túy bị thu giữ là do khoảng 23 giờ ngày 22/10/2024, bị cáo mua của một đàn ông không quen biết tại khu vực đường tàu, thuộc quận L, thành phố Hải Phòng, với giá 14.500.000 đồng. Sau khi mua ma túy, bị cáo chia ma túy vào các đoạn ống nhựa, bị cáo đã sử dụng cho bản thân 06 ống ma túy, đã bán được cho C và Tươi tổng số được 03 ống, phần còn lại bị cáo cất giấu để bán cho người khác.

Ngoài ra bị cáo còn khai, chiếc xe mô tô biển kiểm soát 14R8-4125 là của bị cáo, do bị cáo mua lại của chị Trần Thị N2 vào khoảng tháng 7/2024 với giá 3.000.000 đồng, để bị cáo làm phương tiện đi lại cho bản thân, số tiền mua xe là tiền riêng của bị cáo không liên quan đến tài sản chung vợ chồng hay của ai khác. Số tiền bị cáo bán ma túy cho chị T2 và anh C bị cáo đã chi tiêu hết cho bản thân.

Người chứng kiến là anh Đồng Văn Đ và Nguyễn Thế Hoàng N1, là người chứng kiến sự việc bị cáo bị phát hiện hành vi cất giấu chất ma túy trong xe mô tô, quá trình điều tra anh Đ và anh N1 có lời khai thể hiện nội dung như sau: khoảng 14 giờ 30 phút ngày 26/10/2024 tại khu vực cầu Y, phường M, thị xã Q, các anh chứng kiến công an kiểm tra đối với bị cáo Phạm Văn T, chứng kiến bị cáo bị thu giữ 06 ống nhựa hàn kín 02 đầu, bên trong chứa chất tinh thể màu trắng dạng cục, trên xe mô tô 148-4125 do T điều khiển, T khai đó ma túy đá (bút lục 154, 157).

Người làm chứng là người mua ma túy của bị cáo là anh Đàm Quang C và chị Bùi Thị T2. Quá trình điều tra anh Đàm Quang C có lời khai thể hiện nội dung: khoảng 23 giờ ngày 23/10/2024, Đàm Quang C gọi điện cho bị cáo hỏi mua ma túy, đến khoảng 23 giờ 30 cùng ngày tại khu vực chợ H2 thuộc phường H thành phố H, Đàm Quang C đã mua của bị cáo 01 ống nhựa dài khoảng 3-4cm hàn kín hai đầu, bên trong là ma túy đá với giá 500.000đồng. Đàm Quang C đã sử dụng hết số ma túy mua được cho bản thân ngay sau đó. Chị Bùi Thị T2 có lời khai thể hiện nội dung, trong ngày 25/10/2024, chị T2 đã liên lạc với bị cáo T qua F để hỏi mua túy, chị đã 02 lần mua ma túy của bị cáo, lần thứ nhất khoảng 11 giờ tại khu C, lần thứ 2 khoảng 14 giờ tại khu vực chợ H3 thuộc khu Q, phường Đ, mỗi lần mua 500.000đ được 01 đoạn ống nhựa hàn kín 02 đầu bên trong là ma túy đá (bút lục 129-132; 143-146).

Tài liệu có trong hồ sơ vụ án còn có các tài liệu khác: biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với bị cáo, biên bản khám xét nơi ở của bị cáo; biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ khi bắt quả tang và khi khám xét nơi ở của bị cáo; bản ảnh vật chứng; tài liệu khám nghiệm hiện trường xác định được vị trí bị cáo bán ma túy cho Bùi Thị T2 02 lần trong ngày 25/10/2024, bán ma túy cho Đàm Quang C ngày 23/10/2024; biên bản kiểm tra điện thoại thu giữ của bị cáo; biên bản nhận dạng người bán ma túy và người mua ma túy; các tài liệu này đều có nội dung thống nhất và phù hợp nhau và phù hợp với nội dung lời khai của bị cáo, phù hợp lời khai người chứng kiến, phù hợp lời khai người làm chứng. Ngoài ra qua lời khai của chị Trần Thị N2 và chị Dương Thị H1 đủ cơ sở xác định chiếc xe mô tô mô tô biển kiểm soát 16R8-4125 đăng ký tên anh Lê Đình D, năm 2022 chị N2 mua lại của anh D, tháng 7/2024 chị N2 bán lại cho bị cáo.

Tại bản cáo trạng số 3343/CT-VKS-QY ngày 29/11/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Quảng Yên truy tố bị cáo Phạm Văn T về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”, quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa kiểm sát viên trình bày luận tội bị cáo với đề nghị kết tội bị cáo như nội dung bản cáo trạng đã truy tố và đề nghị: Áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51, điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Phạm Văn T từ 8 năm 6 tháng đến 9 năm tù về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt 26/10/2024. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo; ngoài ra đề nghị truy thu của bị cáo số tiền 1.500.000đồng là tiền bị cáo bán ma túy mà có được để nộp ngân sách nhà nước, quan điểm xử lý vật chứng thu giữ theo quy định.

Tại phần tranh luận, bị cáo không tranh luận với kết luận của đại diện Viện kiểm sát. Khi nói lời sau cùng, bị cáo trình bày, bị cáo thực sự ăn năn hối hận về hành vi của mình, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã Q, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Quảng Yên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến, khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Hội đồng xét xử xét thấy, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Phạm Văn T khai nhận hành vi phạm tội, lời khai nhận tội của bị cáo phù lời khai của người chứng kiến, người làm chứng, phù hợp tài liệu có trong hồ sơ vụ án: kết luận giám định ma túy, biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản khám xét nơi ở của bị cáo, bản niêm phong vật chứng và các tài liệu khác đã được viện dẫn.

Trên cơ sở các chứng cứ trên, Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận: khoảng 23 giờ 30 phút ngày 23/10/2024, tại khu vực chợ H2, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh, Phạm Văn T đã có hành vi bán cho Đàm Quang C 01 ống ma túy loại Methamphetamine với giá 500.000 đồng.

Khoảng 11 giờ và 14 giờ cùng ngày 25/10/2024, tại khu vực cầu Y, thuộc khu Y, phường M, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh và tại khu vực chợ H3, thuộc khu Q, phường Đ, thành phố H, Phạm Văn T đã 02 lần bán ma túy cho Bùi Thị T2, mỗi lần bán 01 ống ma túy loại Methamphetamine với giá 500.000 đồng.

Ngoài ra, Phạm Văn T còn tàng trữ 3,684 gam ma túy, loại Methamphetamine nhằm mục đích để bán.

Hành vi nêu trên của bị cáo Phạm Văn T đã phạm vào tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” thuộc trường hợp phạm tội 02 lần trở lên, quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự, tội danh có khung hình phạt từ 07 năm đến 15 năm tù. Cáo trạng truy tố bị cáo đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý các chất ma túy của Nhà nước. Ma túy là chất gây nghiện làm cho người sử dụng phải lệ thuộc vào nó, ma túy làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe, kinh tế của người sử dụng và là nguồn phát sinh tội phạm nguy hiểm khác cho xã hội. Pháp luật Nhà nước ta xử lý nghiêm khắc đối với các tội về ma túy, mục đích để ngăn chặn, đẩy lùi tệ nạn ma túy trong xã hội. Hành vi của các bị cáo, góp phần làm gia tăng tệ nạn ma túy tại địa phương, gây mất trật tự, trị an xã hội. Bị cáo là người đã trưởng thành có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, hiểu được tác hại của ma túy đối với người sử dụng và biết được sự nghiêm cấm của pháp luật đối với hành vi mua bán trái phép chất ma túy, nhưng vì lợi nhuận, bị cáo vẫn cố tình thực hiện. Bị cáo đã bán nhiều lần, ngoài ra còn tàng trữ 3,684 gam ma túy Methamphetamine nhằm mục đích để bán. Hành vi của bị cáo thuộc trường hợp phạm tội từ 02 lần trở lên, là trường hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự, bị cáo phạm tội rất nghiêm trọng, vì vậy cần xử lý cách ly bị cáo

khỏi xã hội một thời gian dài mới đủ để giáo dục các bị cáo nói riêng và phòng ngừa tội phạm nói chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Hội đồng xét xử xét thấy trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, thái độ ăn năn hối cải nên được áp dụng quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào.

[5] Hội đồng xét xử đánh giá tính chất nguy hiểm hành vi phạm tội của bị cáo, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự bị cáo được áp dụng, để quyết định hình phạt phù hợp và tương xứng.

[6] Về vật chứng: số ma túy hoàn lại sau giám định được niêm phong trong phong bì niêm phong mẫu vật hoàn lại số 1675/KL-KTHS ngày 03/11/2024 của Phòng K Công an tỉnh Q là vật nhà nước cấm lưu hành nên tịch thu tiêu hủy. 01 chiếc điện thoại di động và chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Nouvo, biển kiểm soát 16R8-4125 và 01 giấy đăng ký xe mô tô thu giữ khi bắt quả tang đối với bị cáo, đủ cơ sở xác định là tài sản riêng của bị cáo, đủ cơ sở xác định bị cáo đã dùng vào việc phạm tội, nên tịch thu nộp ngân sách nhà nước. Đồ vật thu giữ khi khám xét nơi ở của bị cáo: 01 chai nhựa có nắp chai được đục 02 lỗ tròn, ở 01 lỗ tròn có gắn 01 đoạn ống hút nhựa; 01 chiếc bật lửa xác định là vật không có giá trị sử dụng, tịch thu tiêu hủy.

Ngoài ra bị cáo đã nhận được 1.000.000đồng tiền bán ma túy cho Bùi Thị T2 và 500.000đồng tiền bán ma túy cho Đàm Quang C, xác định là tiền do phạm tội mà có, do không thu giữ được nên truy thu của bị cáo số tiền 1.500.000đồng nộp ngân sách nhà nước.

[7] Về hình phạt bổ sung: xét thấy bị cáo không có tài sản riêng nào khác, thu nhập không ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[8] Án phí: bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[9] Về quyền kháng cáo: bị cáo có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[10] Đối với Bùi Thị T2 và Đàm Quang C có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, Công an thị xã Q đã ra Quyết định xử phạt hành chính. Về đối tượng bán ma túy cho bị cáo, quá trình điều tra không xác định được con người cụ thể nên không có căn cứ xử lý.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: điểm b khoản 2 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Phạm Văn T phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn T 8 (tám) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt 26/10/2024.

Áp dụng điểm a, b, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, b, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự.

Tịch thu tiêu hủy: số mẫu vật hoàn lại sau giám định trong phong bì niêm phong số 1675/KL-KTHS ngày 03/11/2024 của Phòng K Công an tỉnh Q; 01 chai nhựa màu trắng có nắp màu trắng; 01 đoạn ống hút nhựa màu đỏ; 01 bật lửa màu đỏ.

Tịch thu nộp ngân sách nhà nước: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu vàng (đã qua sử dụng, có gắn 01 sim); 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA NOUVO màu đỏ - đen, biểm kiểm soát 16R8-4125, giấy đăng ký xe mô tô số 045302.

Hiện trạng theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 29, ngày 02/12/2024 giữa Cơ quan chỉ cục Thi hành án dân sự thị xã Quảng Yên và Công an thị xã Q.

Truy thu của bị cáo Phạm Văn T số tiền 1.500.000đồng (*Một triệu năm trăm nghìn đồng*) nộp ngân sách nhà nước.

Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; buộc bị cáo Phạm Văn T phải nộp 200.000đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Căn cứ khoản 1 Điều 331, khoản 1 Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự, báo cho bị cáo biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND thị xã Quảng Yên
- CQ CSĐT thị xã Quảng Yên,
- CQTHA hình sự thị xã Quảng Yên,
- Trại tạm giam CA tỉnh Quảng Ninh,
- Chi cục THA dân sự thị xã Quảng Yên;
- Bị cáo; Sở tư pháp tỉnh QN;
- Lưu hồ sơ, lưu văn phòng.

**THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đặng Thị Minh Nga

